TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1072/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thức

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Hồng Dân – *Kiểm sát viên*.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 523/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 683/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh T – sinh năm 1974 (Có mặt)
Thường trú: đường T, Phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: đường K, phường P, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trần Thành N – sinh năm 1971 (Vắng mặt)
Thường trú: đường L, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh
Tạm trú: đường T, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2021và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Bà và ông Trần Thành N tự nguyện đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 20, quận Tân Bình nay là phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 214 quyển số 02/2003 ngày 24/9/2003. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Ông N ít quan tâm đến gia đình, không phụ giúp về kinh tế để nuôi con. Mọi vấn đề chi tiêu sinh hoạt trong gia đình do một mình bà lo liệu. Ông N còn có biểu hiện thiếu chung thủy. Bà nhiều lần góp ý, yêu cầu ông N phụ giúp kinh tế với bà để chăm lo cho gia đình nhưng ông N vẫn không đồng ý. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến hai bên sống ly thân từ năm 2021. Thời gian ly thân mỗi người tự sống riêng. Bà dọn ra ngoài thuê nhà sống riêng. Bà và ông N không liên lạc hay nói chuyện gì với nhau từ thời gian ly thân cho đến nay. Bà nhận thấy đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung là trẻ Trần Mỹ C, sinh ngày 25/3/2007, bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông N đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có và không nợ ai.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Thành N nhưng ông N vẫn vắng mặt. Ông N không có lời khai, cũng như Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng bà T, ông N chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại bà T thừa nhận vợ chồng không sống chung nhà nên thiếu sự quan tâm, chia sẽ và chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông N không đến Tòa án để trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, điều này thể hiện ông N không mong muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung : Bà T yêu cầu được nuôi con chung là trẻ Trần Mỹ C sinh ngày 25/3/2007 và không yêu cầu ông N đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Bà T xác nhận con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng và phù hợp với lời khai của trẻ C có nguyện vọng xin được ở cùng với mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có và không nợ ai nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về "Ly hôn". Do ông N hiện đang cư ngụ tại quận P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Thành N nhưng ông N vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn ông Trần Thành N không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ. Ông N đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn bà T để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 214 quyển số 02/2003 do Ủy ban nhân dân Phường 20, quận Tân Bình (Nay là phường Hiệp Tân, quận Tân Phú) cấp ngày 24/9/2003 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Thành N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà T nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Căn cứ vào chứng cứ, lời khai của bà T và các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian vợ chồng bà T, ông N chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Hiện bà T , ông N không sống chung nhà, mỗi người tự lo cuộc sống của mình không quan tâm chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà

T, ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ông N không đến Tòa án để trình bày lời khai, cũng như ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân giữa hai bên, thể hiện ông N chưa thật sự thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Bà T, ông N không sống chung nhà, vợ chồng không quan tâm, chia sẽ gì với nhau, thì hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Trần Mỹ C, sinh ngày 25/3/2007. Bà T không yêu cầu ông N đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông N không đến Tòa án để trình bày lời khai nên không có cơ sở để xem xét ý kiến của ông đối với con chung. Tuy nhiên việc xem xét giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì phải xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, để trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Mặt khác, trẻ C hiện đang sinh sống cùng bà T và có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó để tránh xự xáo trộn về tâm lý cũng như nơi ở của trẻ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của bà T là có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu ông N có chứng cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng bà T chịu nhưng được trừ vào số tiền bà T đã tạm nộp án phí .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35;điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Trần Thành N. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 214 quyển số 02/2003 do Ủy ban nhân dân Phường 20, quận Tân Bình (Nay là phường Hiệp Tân, quận Tân Phú), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/9/2003, chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao con chung là trẻ Trần Mỹ C, sinh ngày 25/3/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông N do bà T chưa có yêu cầu.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N.

Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông N hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có .

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đồng bà Nguyễn Thanh T chịu được trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0034881 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân Phú ;
-UBND P Hiệp Tân, Q Tân Phú TP Hồ Chí Minh ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương